

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 11 - 8 - 2020.

V/v ly hôn giữa chị D và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng.

2. Ông Vũ Đức Khang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2020/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 13/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D – Sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn T – Sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị D, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 14/5/2020 cũng như lời khai chị Vũ Thị D tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Trịnh Văn T vào tháng 01/2007 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T mãi chơi, hay cờ bạc rượu chè không có trách nhiệm với gia đình. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Đến tháng 02/2020 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định

tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Văn T.

Về con chung: Chị Vũ Thị D trình bày giữa chị và anh T có hai con chung là cháu Trịnh Minh Th, sinh ngày 06/5/2008 và cháu Trịnh Minh H, sinh ngày 01/11/2012. Hiện anh T đang chăm sóc nuôi cháu Th còn cháu H đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị D xin nhận trực tiếp nuôi cháu Trịnh Minh H, sinh ngày 01/11/2012 còn để anh T nuôi cháu Trịnh Minh Th, sinh ngày 06/5/2008. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí chị D đề nghị giải quyết theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trịnh Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị D vào tháng 01/2007 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân và một phần cũng do anh chơi bời không quan tâm đến vợ con vì vậy vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến tháng 02/2020 thì vợ chồng anh sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Trước đây anh không nhất trí ly hôn nhưng tại phiên tòa hôm nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị D không còn nên anh nhất trí thuận tình ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh Trịnh Văn T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng anh hai con chung là cháu Trịnh Minh Th, sinh ngày 06/5/2008 và cháu Trịnh Minh H, sinh ngày 01/11/2012 (Hiện anh T đang chăm sóc nuôi cháu Th còn cháu chị D chăm sóc nuôi dưỡng cháu H). Vợ chồng ly hôn anh xin nhận trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu chị D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh Trịnh Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị D và anh Trịnh Văn T; Về con chung: Giao cháu Trịnh Minh Th, sinh ngày 06/5/2008 cho anh Trịnh Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trịnh Minh H, sinh ngày 01/11/2012 cho chị Vũ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung; Về án phí dân sự sơ thẩm: chị D phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị D và anh Trịnh Văn T đều cư trú tại huyện N. Nay chị Vũ Thị D xin ly hôn anh Trịnh Văn T thì Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Vũ Thị D và anh Trịnh Văn T vào tháng 01 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, anh T hay chơi bời không quan tâm đến vợ con từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Đến tháng 02/2020 thì vợ chồng chị D anh T sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh T cũng nhất trí ly hôn với chị D. Thấy việc thuận tình ly hôn của chị D và anh T là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị D và anh Trịnh Văn T có hai con chung là cháu Trịnh Minh Th, sinh ngày 06/5/2008 và cháu Trịnh Minh H, sinh ngày 01/11/2012 (Hiện anh T đang chăm sóc nuôi cháu Th còn cháu H đang do chị D chăm sóc nuôi dưỡng). Ly hôn chị D xin nhận trực tiếp nuôi cháu Trịnh Minh H, sinh ngày 01/11/2012 còn để anh T nuôi cháu Trịnh Minh Th, sinh ngày 06/5/2008. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Phía anh T xin nhận trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu chị D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng của chị D và anh T đều chính đáng nhưng chị D và anh T đều làm lao động tự do có điều kiện kinh tế tương đương nhau và

hiện anh T đang trực tiếp nuôi cháu Th còn cháu H đang do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác cháu H có nguyện vọng xin ở với chị D và cháu Th có nguyện vọng ở với anh T. Vì vậy giao cháu Trịnh Minh Th, sinh ngày 06/5/2008 cho anh Trịnh Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trịnh Minh H, sinh ngày 01/11/2012 cho chị Vũ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Vũ Thị D và anh Trịnh Văn T đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Vũ Thị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1 - Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị D và anh Trịnh Văn T.

2 - Về con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Trịnh Minh Th, sinh ngày 06/5/2008 cho anh Trịnh Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung của vợ chồng là cháu Trịnh Minh H, sinh ngày 01/11/2012 cho chị Vũ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng (Hiện anh T đang chăm sóc nuôi cháu Th còn cháu H đang do chị D chăm sóc nuôi dưỡng). Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Vũ Thị D phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số AA/2019/0001667 ngày 22/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương